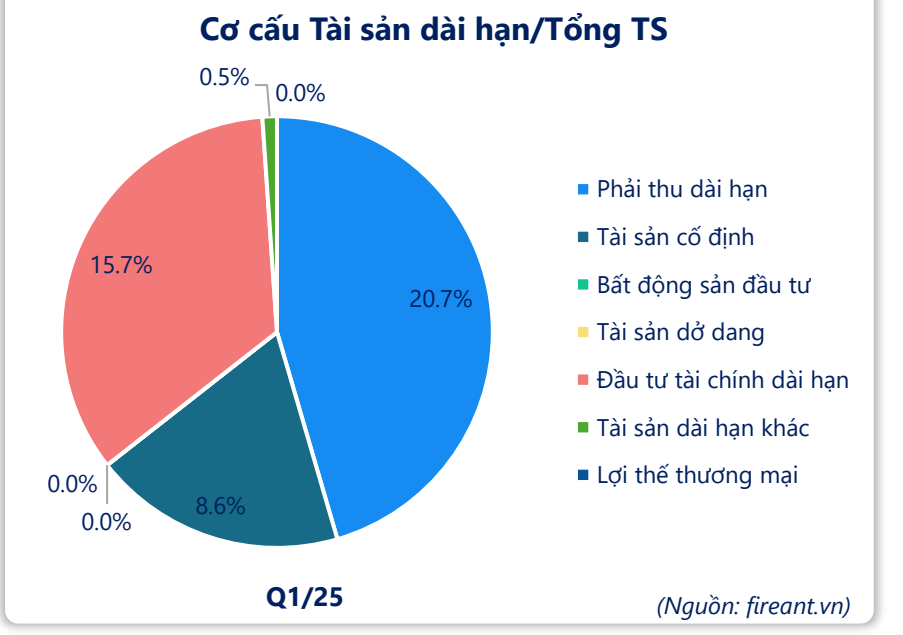
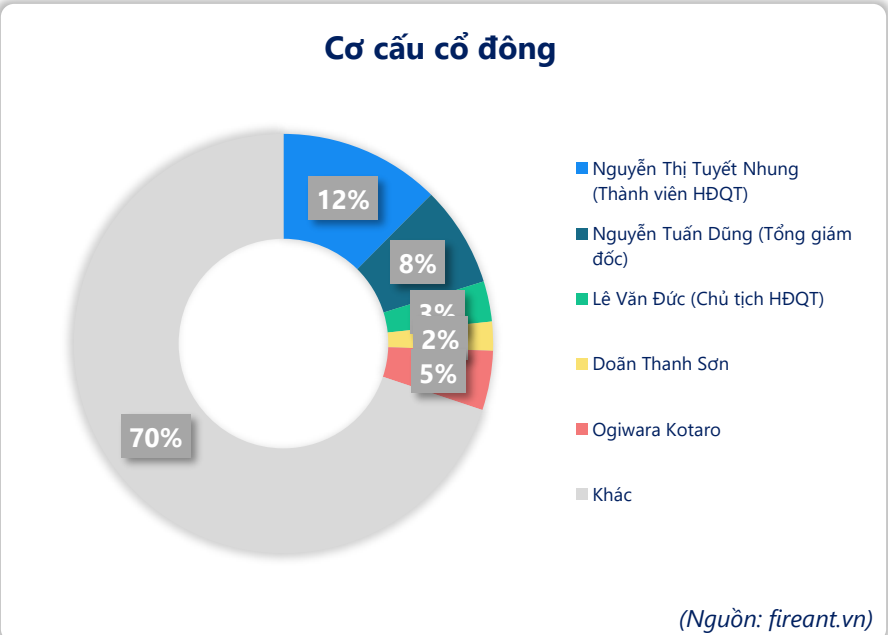
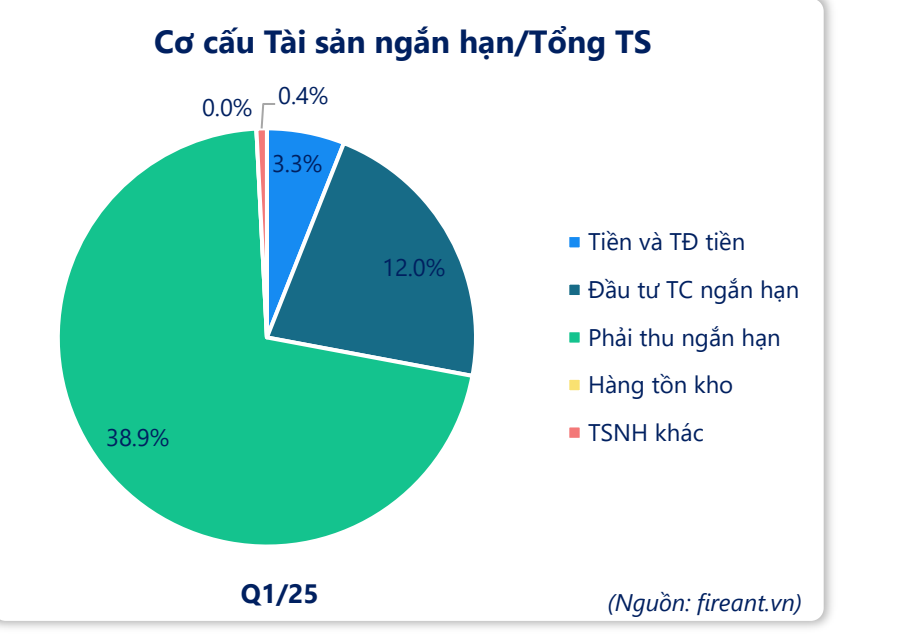
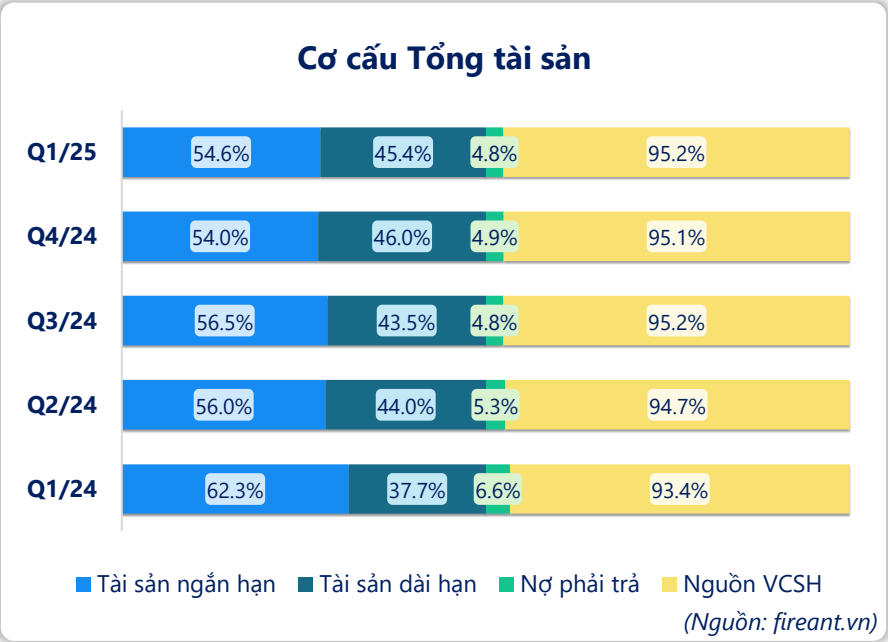
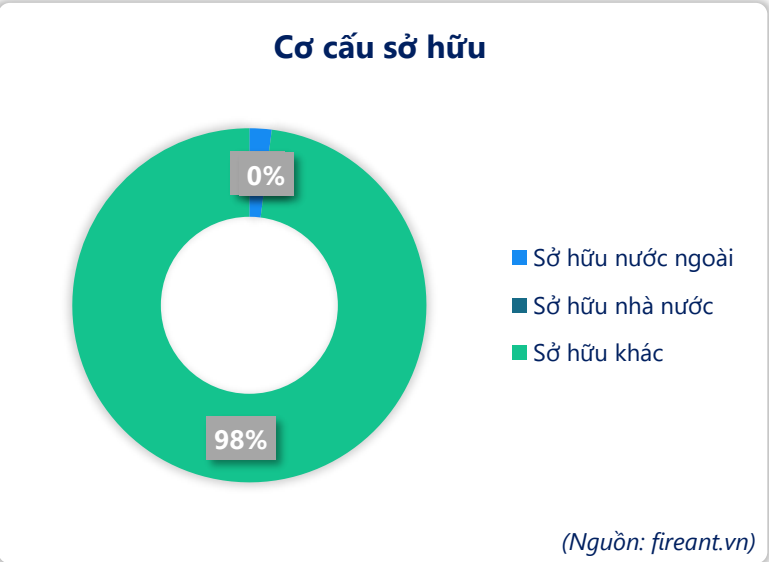
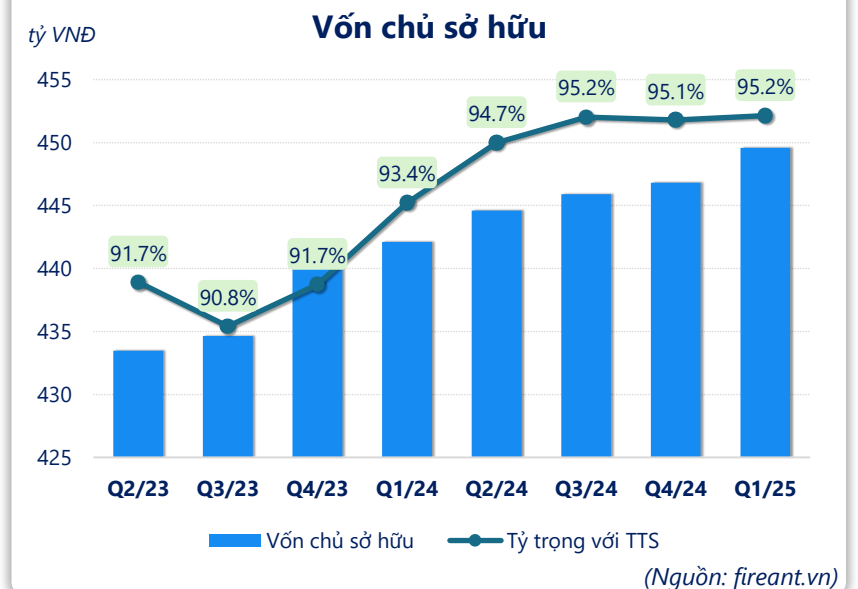
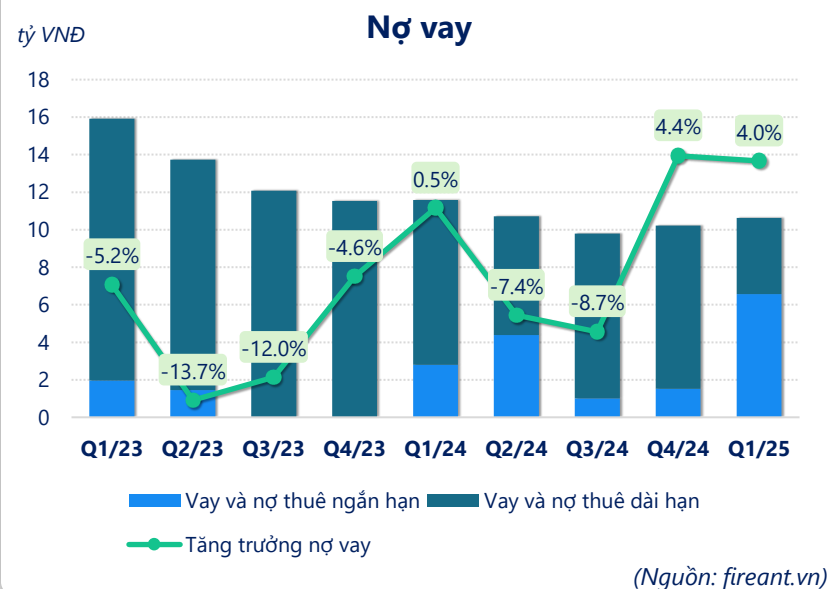
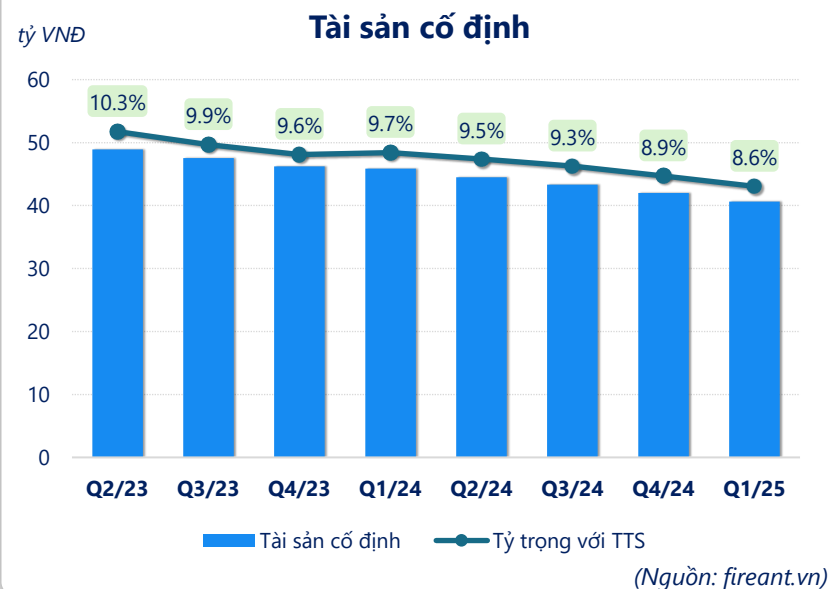
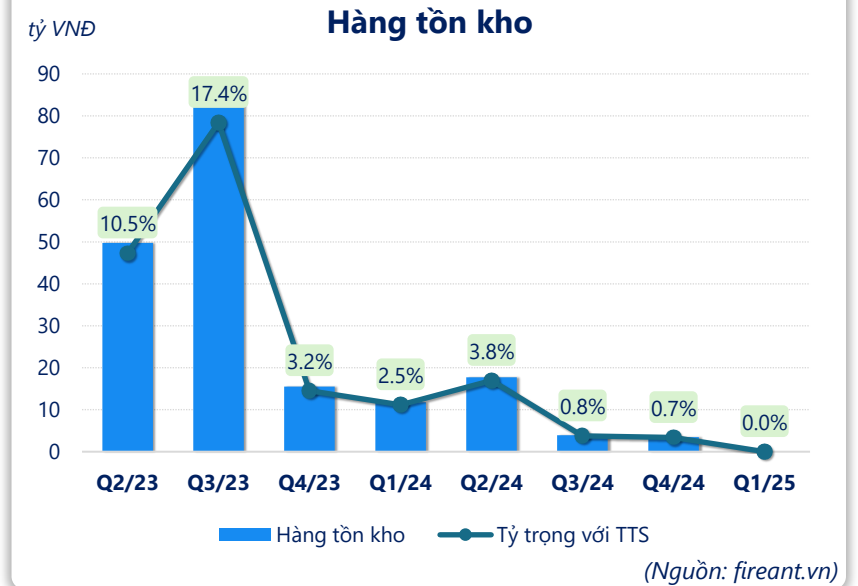
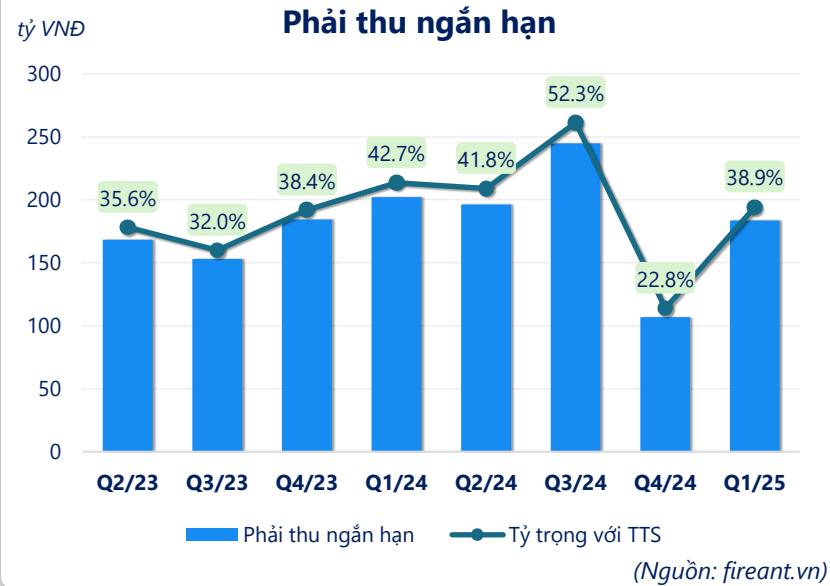
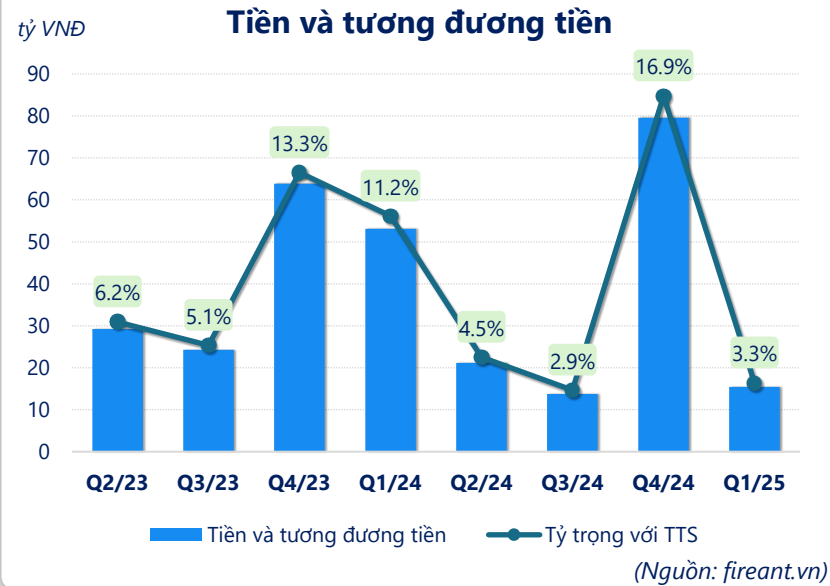
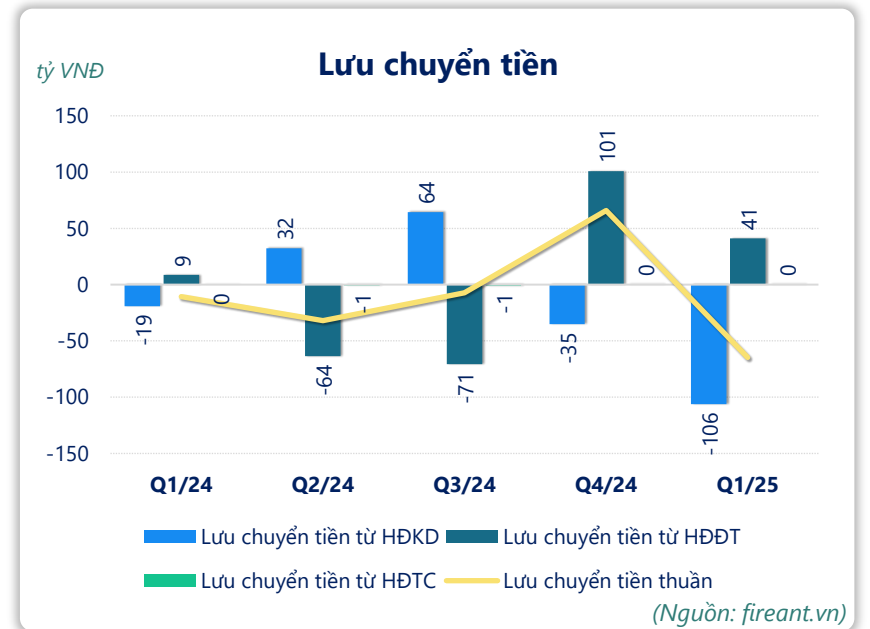
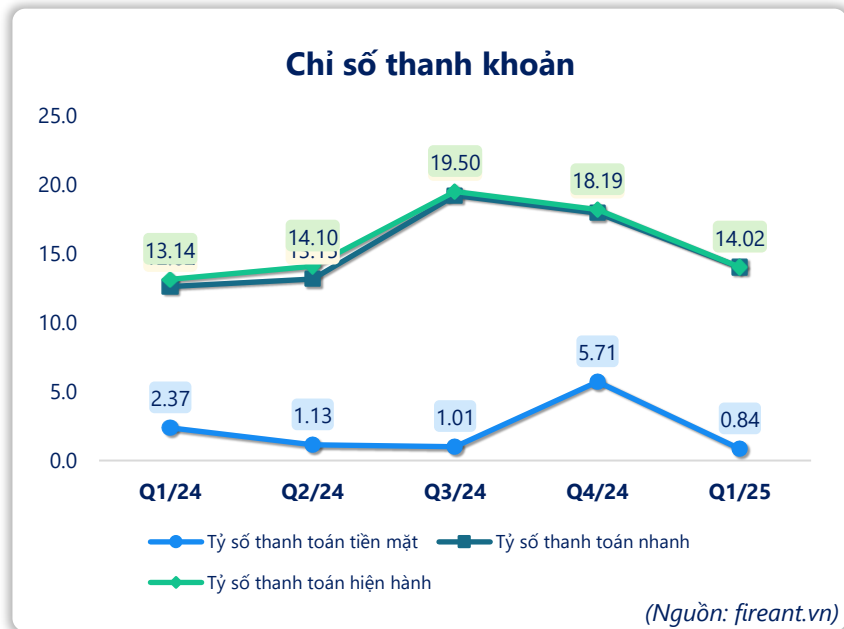
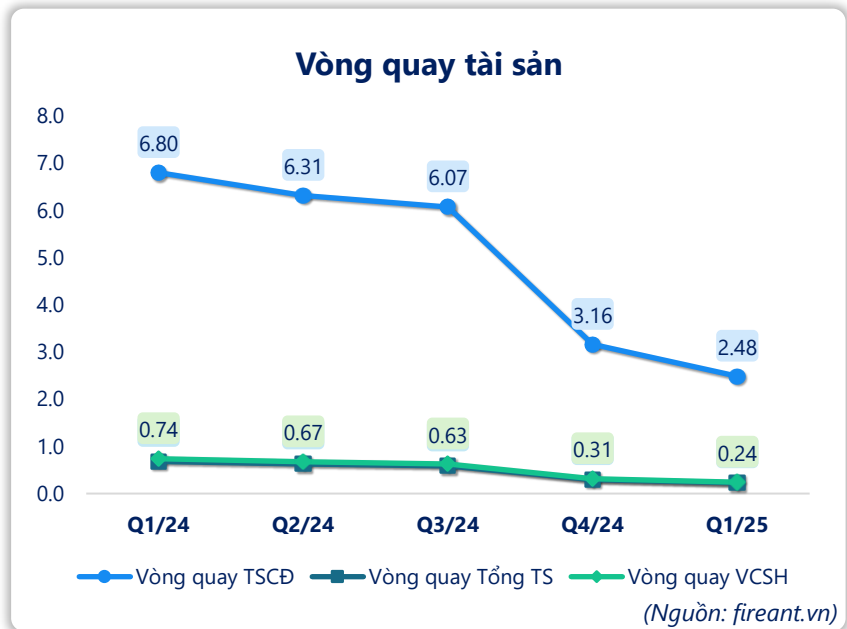
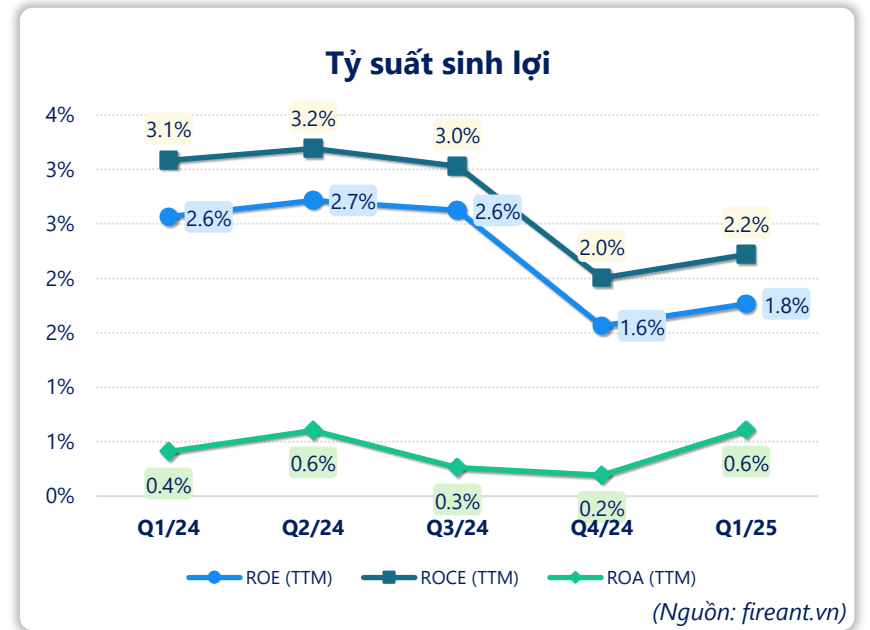
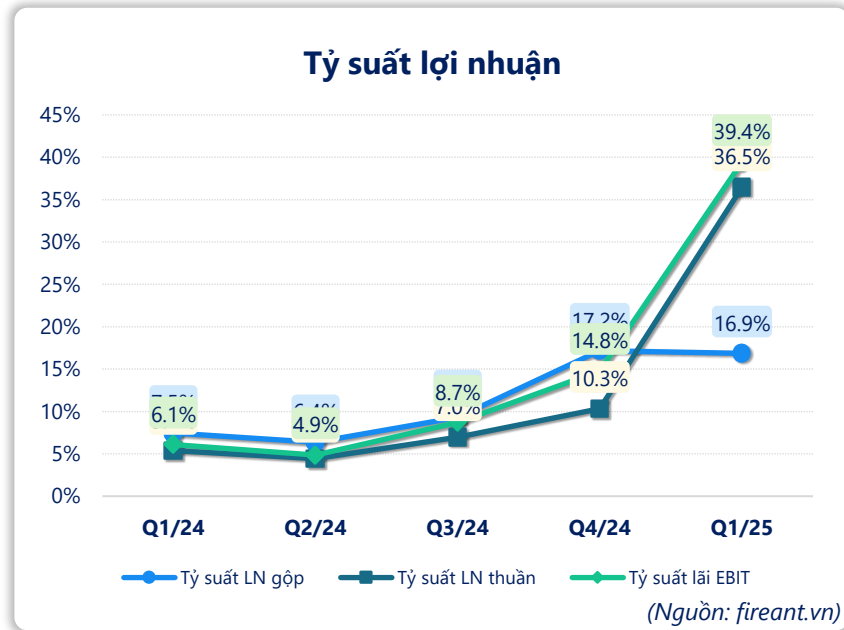
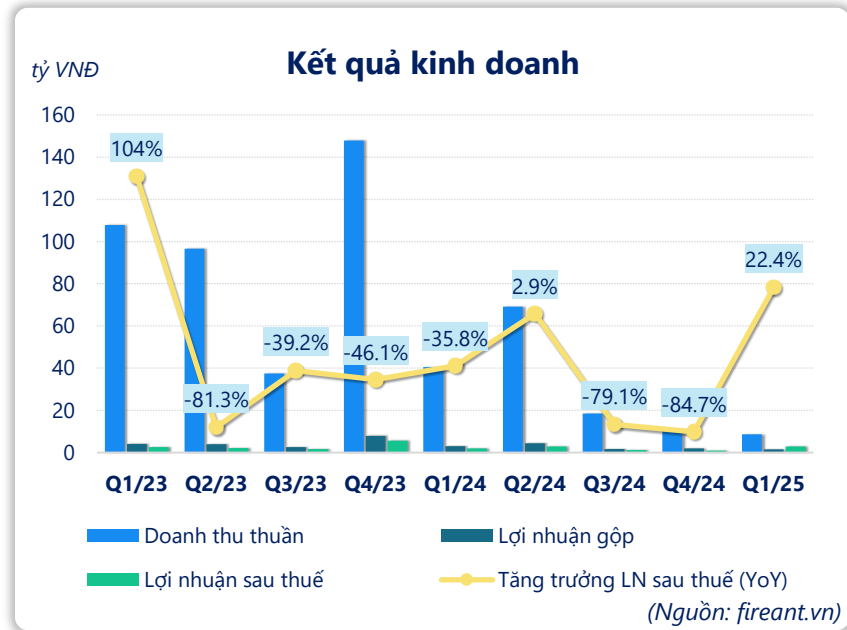


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,160
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,339
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,020
SL cổ phiếu LH		38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)		62,005
% sở hữu nước ngoài		2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		160
P/E		20.4
EPS		204

	YTD	1T	3T	6T
HSL	1.5%	-1.7%	1.0%	-7.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	472	469	0.6%
Tài sản ngắn hạn	258	253	1.6%
Tiền và tương đương tiền	15.5	80.1	-80.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.5	60.7	-6.9%
Phải thu ngắn hạn	183	107	71.6%
Hàng tồn kho	0	3.50	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	2.07	2.15	-3.6%
Tài sản dài hạn	215	216	-0.7%
Phải thu dài hạn	97.6	97.6	0.0%
Tài sản cố định	40.6	42.0	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	74.0	74.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.33	2.39	-2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.5	22.7	-1.0%
Nợ ngắn hạn	18.4	18.6	-1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.58	6.17	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.58	2.84	-9.1%
Nợ dài hạn	4.12	4.12	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.05	4.05	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	450	447	0.7%
Vốn chủ sở hữu	450	447	0.7%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	40.5	69.1	18.4	11.2	8.66
Giá vốn hàng bán	37.4	64.7	16.7	9.28	7.20
Lợi nhuận gộp	3.02	4.40	1.72	1.93	1.46
Doanh thu HĐTC	0.62	0.57	0.65	0.60	2.88
Chi phí TC	0.31	0.40	0.19	0.58	0.31
Chi phí lãi vay	0.31	0.30	0.29	0.54	0.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0.02	0.04	0
Chi phí bán hàng	0.39	0.48	0.18	0.02	0.06
Chi phí QLDN	0.77	1.03	0.73	0.80	0.82
LN thuần từ HĐKD	2.17	3.07	1.29	1.16	3.16
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	0.03	-0.04	-0.01
LN trước thuế	2.16	3.05	1.32	1.12	3.15
Lợi nhuận sau thuế	2.00	2.92	1.29	0.96	2.95
LNST của CĐ cty mẹ	1.94	2.84	1.24	0.92	2.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.3	32.4	64.3	-35.2	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.68	-63.5	-70.8	101	41.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.08	-0.86	-0.93	0.38	0.41
Tiền đầu kỳ	63.8	53.1	21.1	13.7	80.1
Lưu chuyển tiền thuần	-10.7	-32.0	-7.39	65.8	-64.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.1	21.1	13.7	79.6	15.5

(Nguồn: fireant.vn)